

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 252/CV-QĐTPT ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 314/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ, địa chỉ tại Số 24-26 đường Lý Thái Tổ, khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ (trước đây là phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Hạng mục thu gom, xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm thuộc dự án “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1” địa chỉ tại phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ (trước đây là phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Hạng mục thu gom, xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm thuộc dự án “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết

định thành lập: Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.

1.4. Mã số thuế: 1800 750 412.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xử lý nước thải khu công nghiệp (thuộc loại hình dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Diện tích: Khoảng 26 m² (được xây dựng trên khu đất quy hoạch xây dựng khu xử lý nước thải 12.120 m² thuộc dự án “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1” 283.294,1 m²).

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Hạng mục thu gom, xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm là hạng mục đầu tư bổ sung thuộc dự án “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1” có tổng mức đầu tư là 150.736.113.000 đồng là dự án nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Phạm vi, quy mô công suất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này: Hạng mục thu gom, thoát nước và xử lý nước thải quy mô công suất 20 m³/ngày đêm thuộc dự án “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1”.

Là giải pháp xử lý nước thải tại “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1” khi tổng lượng nước thải tiếp nhận dưới 20 m³/ngày đêm; khi lượng nước thải phát sinh tại “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1” lớn hơn hoặc bằng 20 m³/ngày đêm sẽ phải lập lại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

+ Quy trình xử lý nước thải: Nước thải (các nguồn nước thải phát sinh trong khu công nghiệp đã được xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể tách cát → (Máy thổi khí →) Bể điều hòa → (Dinh dưỡng, NaOH) Bể khử ni-tơ → Bể ni-trat hóa → Bể chứa màng lọc (→ ((Bùn dư/Tuần hoàn nước → Bể khử Ni-tơ) → Bể chứa bùn → Nước tách bùn/Hút bùn tuần hoàn) → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận: Sông Hậu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày..... tháng 8 năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Quỹ Đầu tư phát triển TP. Cần Thơ;
- BQL các khu CX và CN Cần Thơ;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT._{VK}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Chí Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Nước thải từ các nhà máy trong Khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Hậu đoạn Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1 tại phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A) - Giai đoạn 1 - Phân kỳ 1 tại phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

- Toạ độ vị trí xả nước thải (toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0): X = 1104296; Y = 0591243.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào sông Hậu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 1,2$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	
3	pH	mg/l	6-9	03 tháng/lần	
4	BOD ₅	mg/l	43,2	03 tháng/lần	
5	COD	mg/l	108	03 tháng/lần	
6	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	72	03 tháng/lần	
7	Asen (As)	mg/l	0,072	03 tháng/lần	
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0072	03 tháng/lần	
9	Chì (Pb)	mg/l	0,144	03 tháng/lần	
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,072	03 tháng/lần	
11	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	0,072	03 tháng/lần	

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
12	Crom III (Cr^{3+})	mg/l	0,288	03 tháng/lần	
13	Đồng (Cu)	mg/l	2,88	03 tháng/lần	
14	Kẽm (Zn)	mg/l	4,32	03 tháng/lần	
15	Niken (Ni)	mg/l	0,288	03 tháng/lần	
16	Mangan (Mn)	mg/l	0,72	03 tháng/lần	
17	Sắt (Fe)	mg/l	1,44	03 tháng/lần	
18	Tổng xianua	mg/l	0,1008	03 tháng/lần	
19	Tổng phenol	mg/l	0,144	03 tháng/lần	
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	7,2	03 tháng/lần	
21	Sunfua	mg/l	0,288	03 tháng/lần	
22	Florua	mg/l	7,2	03 tháng/lần	
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	7,2	03 tháng/lần	
24	Tổng N	mg/l	28,8	03 tháng/lần	
25	Tổng P (tính theo P)	mg/l	5,76	03 tháng/lần	
26	Clorua	mg/l	720	03 tháng/lần	
27	Clo dư	mg/l	1,44	03 tháng/lần	
28	Tổng hóa chất BVTX Clo hữu cơ	mg/l	0,072	03 tháng/lần	
29	Tổng hóa chất BVTX photpho hữu cơ	mg/l	0,432	03 tháng/lần	
30	Tổng PCB	mg/l	0,00432	03 tháng/lần	
31	Coliform	MPN/100ml	3.000	03 tháng/lần	
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	03 tháng/lần	
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	03 tháng/lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các nhà máy, doanh nghiệp được thu gom bằng hệ thống cống riêng về trạm xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án đạt quy chuẩn cho phép được xả thải ra môi trường nước mặt sông Hậu.

- Hệ thống thu nước thải: Tách biệt với hệ thống thu gom nước mưa, cống bằng bê tông cốt thép D355, D400 đi ngầm theo các vỉa hè các đường nội bộ của Khu công nghiệp và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách cát → (Máy thổi khí →/Nước Tách bùn →) Bể điều hòa → (Dinh dưỡng, NaOH →/Bể chứa màng lọc →) Bể khử Nitơ → (Máy thổi khí →) Bể Nitrat hóa → Bể chứa màng lọc (→ Bể chứa bùn → Hút bùn định kỳ) → (Hóa chất khử trùng →) Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận Sông Hậu.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

STT	Tên hóa chất	Nhu cầu sử dụng (định lượng g/m ³ nước thải)	Nhu cầu sử dụng (kg/ngày)
1	NaOH	10	0,2
2	NaOCl	3	0,06
3	Dinh dưỡng	1	0,02

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc nước thải sau xử lý.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD hoặc TOC, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động.

- Camera theo dõi.

- Kết nối, truyền số liệu.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, Chủ đầu tư đưa ra một số biện pháp kiểm soát các sự cố có liên quan đến hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Kiểm soát sự cố rò rỉ hóa chất và an toàn tiếp xúc hóa chất:

+ Các loại hóa chất được vận chuyển đến hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng các phương tiện chuyên dụng do nhà cung cấp đưa đến.

+ Hóa chất được lưu trữ đúng cách trong nhà kho.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt qui trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Tất cả các công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất.

+ Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính, găng tay...

- + Các dụng cụ sơ cấp cứu luôn được đặt tại vị trí tiếp xúc cao với hóa chất.
- + Kiểm soát sự cố hiệu suất xử lý không đạt.
- + Tuân thủ các yêu cầu thiết kế.
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc, duy tu bảo dưỡng định kỳ.
- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý.
- Đề phòng ngừa sự cố thiết bị, sẽ trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí, máy châm hóa chất,...

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi được cấp giấy phép.
- Thời gian kết thúc vận hành: 06 tháng kể từ ngày vận hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tiếng ồn, rung phát sinh chủ yếu từ các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung như máy bơm, máy thổi khí và máy phát điện dự phòng

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

* Đối với các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp: Các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp có hoạt động gây ra tiếng ồn vượt quá giới hạn cho phép tại khu sản xuất phải có biện pháp chống ồn đạt tiêu chuẩn quy định.

* Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau đây nhằm giảm thiểu độ ồn phát sinh từ quá trình vận hành máy bơm nước thải, máy thổi khí, máy phát điện đến môi trường xung quanh, cụ thể như sau:

- Có kế hoạch theo dõi, bảo dưỡng thiết bị định kỳ, đảm bảo vận hành theo đúng công suất thiết kế tránh gây ồn;

- Theo dõi, bảo trì máy bơm trong trạm định kỳ;

- Đảm bảo vận hành theo đúng công suất thiết kế của trạm xử lý;
- Máy móc, thiết bị trong Dự án không hoạt động quá công suất cho phép;
- Trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý, vừa tạo cảnh quan vừa giảm tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

Để hạn chế rung do hoạt động của máy phát điện dự phòng, máy bơm nước thải cần áp dụng các biện pháp sau:

- Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng hay thay thế máy phát điện, máy bơm nước thải khi đã xuống cấp.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

- Đối với các nhà máy trong Khu công nghiệp: Mỗi doanh nghiệp trong Khu công nghiệp tự tổ chức thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại) của cơ sở mình.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tổng tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	20
3	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	5
Tổng cộng				30

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải 20 m³/ngày đêm khoảng 500 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 730 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: -

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Nhà chứa chất thải nguy hại được xây dựng vách tôn, nền bê tông, mái tôn, có rãnh thu gom chống tràn, có gờ chống tràn, cửa khóa kín. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

+ Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 04 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- + Bùn thải được chứa trong ngăn chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải 20 m³/ngày đêm.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- + Diện tích ngăn chứa bùn: 0,66m²

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Kho/khu vực lưu chứa: -

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa:

- + Diện tích khu vực đặt thùng chứa rác: 01 m².

- + Kết cấu: Nền bê tông

- + Chủ dự án hợp đồng với Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ để thu gom, vận chuyển và xử lý tại khu vực xử lý rác thải sinh hoạt của địa phương theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

* Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ cho Khu công nghiệp. Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp phòng chống và ứng phó sự cố cháy nổ như sau:

- Trong quy hoạch phân khu chức năng không để các loại hình nhà máy có nguy cơ tương tác nhau gây cháy nổ ở cạnh nhau: Như nhà máy hóa chất và xăng dầu...

- Đầu tư xây dựng hệ thống ống chữa cháy, trụ bơm nước chữa cháy tại các khu vực tận dụng nguồn nước tại sông Hậu và rạch Cái Cui và rạch Bến Bạ xung quanh dự án để chữa cháy.

- Dự án đã được chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Công văn số 62/NTPCSPCCC&CNCH ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an thành phố Cần Thơ.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

- + Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao dây điện phải được bảo vệ kỹ;

- + Hệ thống đường điện sẽ đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và phải được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện;

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

*** Sự cố hóa chất**

- Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản sắp xếp các lô hóa chất ngay ngắn và theo từng khu vực riêng. Không xếp chồng lên nhau hoặc xếp cao quá chiều cao quy định có thể gây nghiêng đổ. Từng lô hàng được đánh dấu, ghi nhãn hoá chất, lưu giữ phiếu an toàn hoá chất và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát. Trong quá trình nhập kho, kiểm tra kỹ phụ lục chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho.

- Có sổ theo dõi việc sử dụng hoá chất.

- Bảo quản hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, thùng chứa hóa chất phải đậy kín, đặt ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt và các chất oxy hóa mạnh.

- Khu vực chứa hóa chất, làm việc phải nghiêm cấm lửa và đặt bảng cấm hút thuốc, cấm mang vật có khả năng cháy vào kho. Thực hiện thông gió tự nhiên, lắp đặt các trang thiết bị chống sét.

- Đối với các nguyên liệu dễ cháy được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn cháy lan khi có sự cố. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lượng lưu trữ phải có giới hạn.

- Không sử dụng dụng cụ, thiết bị có khả năng gây ra tia lửa điện do ma sát hay va đập.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Tiếp tục đầu tư các hạng mục công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu công nghiệp Hưng Phú I (Cụm A)” tại phường Tân Phú, thành phố Cần Thơ. Trong trường hợp có thay đổi, có dừng hạng mục dự án phải gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Khẩn trương lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục duy trì, bảo dưỡng các hạng mục của hệ thống thu gom xử lý nước thải công suất 2.250 m³/ngày đêm của dự án để đảm bảo hoạt động đồng bộ khi lượng nước thải tiếp nhận đủ để vận hành hệ thống xử lý nước thải này.

- Lập thủ tục môi trường theo quy định pháp luật hiện hành khi lượng nước thải tiếp nhận và xử lý có dấu hiệu vượt tải đối với hệ thống xử lý nước thải 20 m³/ngày đêm, gửi về cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, thẩm định và cấp giấy phép môi trường theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động.

3. Tự chịu trách nhiệm trước quy định pháp luật về đầu tư và chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.